TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 28/02/2025
Về việc "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Ngọc Đức
2/ Bà Trần Thị Phận
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 214/2024/TLST – HNGĐ ngày 04/12/2024, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2025/QĐST – HN ngày 10/02/2025, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị Oanh T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
* *Bị đơn:* Anh Huỳnh Ngọc V (V1), sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2024 của chị Kim Thị Oanh T trình bày:

Vào năm 2007 chị Kim Thị Oanh T và anh Huỳnh Ngọc V (V1) quen biết tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và được cha mẹ hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau đó anh chị đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 147, quyển số I ngày 22/11/2007.

Sau ngày cưới vợ chồng lên tỉnh Bình Dương tìm việc làm, trong quá trình chung sống thì chị T và anh V (V1) có sinh được 02 người con chung là Huỳnh Ngọc Kim T1, sinh ngày 26/4/2009 và Huỳnh Ngọc Kim P, sinh ngày 18/8/2013. Hiện cháu T1 và cháu P đang sống chung với chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Do anh V (V1) có tính gia trưởng, khó khăn về mọi thứ, chị T thì đi làm từ sáng đến tối không có thời gian nghỉ ngơi, còn anh V (V1) vui thì đi làm không thì đi chơi chẳng quan tâm gì đến vợ và con. Mỗi ngày chị T còn phải đưa tiền cho anh V (V1) tiêu sài, trong khi đó chị T còn phải lo cho 02 con ăn học, đến năm 2020 do dịch bệnh nên chị T và anh V (V1) về nhà mẹ ruột của chị sinh sống và làm ăn, anh V (V1) thì chứng nào tật nấy, làm có tiền thì tiêu sài cá nhân không phụ chị T lo cho con và trang trãi cuộc sống, từ đó mâu thuẫn giữa chị T và anh V (V1) ngày càng trầm trọng nên anh V (V1) bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh để sống. Chị T và anh V (V1) ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị T và anh V (V1) đã cố gắn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng đều không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Kim Thị Oanh T xin ly hôn anh Huỳnh Ngọc V (V1).

Về con chung: Huỳnh Ngọc Kim T1, sinh ngày 26/4/2009 và Huỳnh Ngọc Kim P, sinh ngày 18/8/2013, chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh V (V1) cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét đơn xin vắng mặt của chị Kim Thị O Thi ngày 15/01/2025 đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Xét Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử anh Huỳnh Ngọc V (V1) được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Huỳnh Ngọc V (V1).

3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 chị Kim Thị Oanh T và anh Huỳnh Ngọc V (V1) quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân. Cha mẹ hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó anh chị đến Ủy ban

nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 147 ngày 22/11/2007 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống gia đình chị gặp khó khăn về mọi thứ, chị T thì đi làm từ sáng đến tối không có thời gian nghỉ ngơi, còn anh V (V1) vui thì đi làm, không vui thì đi chơi chẳng quan tâm gì đến vợ và con. Anh V (V1) làm có tiền thì tiêu sài cá nhân không phụ chị T lo cho con và trang trãi cuộc sống gia đình, từ đó mâu thuẫn giữa chị T và anh V (V1) ngày càng trầm trọng nên anh V (V1) bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh để sống. Chị T và anh V (V1) ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị T không còn mong muốn cùng anh V (V1) xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị T xin ly hôn. Xét yêu cầu của chị T là có cơ sở nên căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Kim Thị Oanh T được ly hôn anh Huỳnh Ngọc V (V1).

[4]Xét về con chung: Trong thời gian chung sống chị Kim Thị Oanh T và anh Huỳnh Ngọc V (V1) có sinh được 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Kim T1, sinh ngày 26/4/2009 và Huỳnh Ngọc Kim P, sinh ngày 18/8/2013. Hiện cháu T1 và cháu P đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, chưa yêu cầu anh V (V1) cấp dưỡng nuôi con. Xét để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Ngọc Kim T1, sinh ngày 26/4/2009 và Huỳnh Ngọc Kim P, sinh ngày 18/8/2013 không bị thay đổi nên để chị T tiếp tục nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của chị T và các cháu. Chị T chưa yêu cầu anh V (V1) cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc và không trái pháp luật. Xét yêu cầu của chị T là có cơ sở căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Kim Thị Oanh T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Kim T1, sinh ngày 26/4/2009 và Huỳnh Ngọc Kim P, sinh ngày 18/8/2013, chị Kim Thị Oanh T chưa yêu cầu anh Huỳnh Ngọc V (V1) cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Ngọc V (V1) được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh V (V1) không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V (V1).

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Kim Thị Oanh T và anh Huỳnh Ngọc V (V1) không tạo ra tài sản chung nên chị T không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Kim Thị Oanh T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$_o$ 0000156 ngày 4/12/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Kim Thị Oanh T.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị Oanh T được ly hôn anh Huỳnh Ngọc V (V1).

2/ Về con chung: Chị Kim Thị Oanh T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Kim T1, sinh ngày 26/4/2009 và Huỳnh Ngọc Kim P, sinh ngày 18/8/2013, chị Kim Thị Oanh T chưa yêu cầu anh Huỳnh Ngọc V (V1) cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Ngọc V (V1) được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh V (V1) không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V (V1).

3/ Về quan hệ tài sản: Chị Kim Thị Oanh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Kim Thị Oanh T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$_o$ 0000156 ngày 4/12/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử công khai chị Kim Thị Oanh T xin vắng mặt và anh Huỳnh Ngọc V (V1) vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
- UBND xã Thành Lợi, Huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thành Tựu